

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo hậu bị, quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa tại tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo hậu bị, quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa tại tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung, giải trình gửi kèm Công văn số 25.12/CV-NHBP ngày 25/12/2020 và công văn số 16.01/CV-NHBP ngày 16/01/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 33/TTr-STNMT ngày 21/01/2021.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trại chăn nuôi heo hậu bị, quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, xác nhận các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng Trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa tại xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước làm chủ đầu tư.

Điều 6. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-10-QĐPD-25/1).


 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

 Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo hậu bị, quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa tại tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH

Chăn nuôi New Hope Bình Phước làm chủ đầu tư

(Kèm theo Quyết định số ...261.../QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo hậu bị, quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa tại tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước.

Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3801167359 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 28/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/8/2020.

Trụ sở chính: Ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Gu Jun Jie, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 183.728,3 m² với quy mô 48.000 con heo hậu bị/lứa.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:* Bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và từ các máy móc thi công; bụi, khí thải từ hoạt động cơ khí; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào Dự án; khí thải từ bể kỵ khí tiếp xúc; bụi từ quá trình nhập liệu thức ăn; mùi từ khu chăn nuôi, nhà chứa phân và quá trình xử lý nước thải; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.



2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 03 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là cặn bẩn và các chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 05 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi*: Lưu lượng phát sinh khoảng 440,15 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, SS, COD, BOD₅, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 09 m³/ngày; thành phần chủ yếu là BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Bụi, khí thải từ quá trình san nền, đào móng*: Nồng độ bụi khoảng 1,606 g/s.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và từ các máy móc thi công*: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí*: Thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO_x.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO...

- *Bụi từ quá trình nhập liệu thức ăn*: Có nồng độ khoảng 0,72 mg/m³.ngày

- *Khí thải từ bể kỵ khí*: Thường chứa các thành phần chính là CH₄ (58% đến 60%) và CO₂ (>30%) còn lại là các chất khác như hơi nước, O₂, H₂S, CO.

- *Mùi từ quá trình xử lý nước thải, nhà chứa phân và khu chăn nuôi*: Thường chứa các thành phần như NH₃, H₂S, mercaptan và các amin hữu cơ, andehyde hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh khoảng 80 kg/ngày, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 22,5 kg/ngày, thành phần chủ yếu là rác thực phẩm, giấy, ni lông, carton.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 96 tấn/ngày; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng như N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh*: Phát sinh khoảng 210,41 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bùn thải*: Khối lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 27,4 tấn/ngày.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 40,5 kg/ngày, thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, xương, ni lông, vỏ đồ hộp...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 31 kg/tháng bao gồm giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, que hàn thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 175 kg/tháng bao gồm giẻ lau, bao tay dính hóa chất dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn), chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại, pin ắc quy chì thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng tạm có kích thước 02 m x 02 m x 1,5 m. Bụi, đất, cát... có trong nước thải được lắng xuống, phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông và rửa xe.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Chủ Dự án xây dựng trước 04 bể tự hoại 03 ngăn để sử dụng chung cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn hoạt động của Dự án, thể tích mỗi bể là 06 m³.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công và rửa xe.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể là 06 m³.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi*: Nước thải chăn nuôi sau khi qua máy tách phân, nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn, nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ và nước ép phân được đưa về hệ thống xử lý

nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 450 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ như sau:

Nước thải đầu vào → Hồ gom → Hồ gom trung tâm → Máy tách phân → Hồ điều hòa → Bể kỵ khí tiếp xúc (bể CSTR) → Bể tách khí → Bể lắng kỵ khí → Bể selector → Mương oxy hóa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý, nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được tái sử dụng để tái sử dụng và tưới cây.

Chủ Dự án tái sử dụng 144 m³ nước thải sau xử lý/ngày cho hoạt động rửa chuồng. Lượng nước còn lại là 306 m³/ngày dùng để tưới cây.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án:

STT	Hạng mục	Đặc tính	Kích thước (m) Dài x Rộng x Cao	Số lượng	Thời gian lưu
1	Hồ gom trung tâm	Bê tông cốt thép, chống thấm	D = 7,2 m; H = 5,6 m	01 bể	8,5 giờ
2	Hồ điều hòa	Lót HDPE dày 1,5 mm Mặt taluy là bê tông mác 150	60 x 25,5 x 4,5	01 bể	10 ngày
3	Bể kỵ khí tiếp xúc - CSTR	Bê tông cốt thép, chống thấm, bên trên có túi chứa khí bằng tấm HDPE	D = 16 m; H = 7,5 m	01 bể	2,7 ngày
4	Bể tách khí	Bê tông cốt thép, chống thấm	6,4 x 3,6 x 5,3	01 bể	1,5 giờ
5	Bể lắng kỵ khí	Bê tông cốt thép, chống thấm	D = 10,8 m; H = 4,5 m	01 bể	17,5 giờ
6	Bể selector	Bê tông cốt thép, chống thấm	2,3 x 1,8 x 4,5	01 bể	45 phút
7	Mương oxy hóa	Đáy bê tông cốt thép, thành đá hộc, chống thấm	72,3 x 20,3 x 4,5	01 bể	08 ngày
8	Bể keo tụ	Bê tông cốt thép, chống thấm	2,1 x 01 x 05	01 bể	05 phút
9	Bể tạo bông	Bê tông cốt thép, chống thấm	2,1 x 1,45 x 05	01 bể	15 phút
10	Bể lắng hóa lý	Bê tông cốt thép, chống thấm	D = 07 m; H = 05 m	01 bể	6,5 giờ
11	Bể khử trùng	Bê tông cốt thép, chống thấm	3,5 x 2,5 x 1,8	01 bể	30 phút
12	Bể nén bùn	Bê tông cốt thép, chống thấm	D = 07 m; H = 4,5 m	01 bể	01 ngày
13	Hồ chứa nước sau xử lý	Lót HDPE dày 1,5 mm Mặt taluy là bê tông mác 150	136 x 73 x 05	01 bể	01 ngày

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng và tưới cây.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt, sơn, xì kim loại:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực Trang trại; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải; điều phối xe hợp lý tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm, phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí từ bể kỵ khí tiếp xúc:* Lượng khí gas phát sinh từ bể kỵ khí tiếp xúc (CSTR) được lưu chứa trong thiết bị chứa khí và được tận dụng làm nguyên liệu đốt, phần dư được thu gom đốt có kiểm soát bằng thiết bị chuyên dụng, an toàn và không ảnh hưởng đến môi trường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình nhập liệu thức ăn:* Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân, trồng cây xanh xung quanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải và khu chăn nuôi:*

Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng; bố trí quạt hút hoạt động liên tục; trồng cây xanh cách ly; phun chế phẩm EM khu vực chuồng chăn nuôi định kỳ 02 lần/ngày; luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên Trang trại, hàng ngày bổ sung chế phẩm GEM K vào nước thải để giảm mùi hôi...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT

– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải rắn không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa có dung tích 120 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do phân heo:*

Phân heo được xử lý theo quy trình sau: Phân heo → Máy ép phân → Bồn ủ phân (có phối trộn men vi sinh) → Đóng bao lưu chứa trong nhà chứa phân.

Toàn bộ phân heo phát sinh tại các chuồng nuôi được thu gom vào hố CT sau đó được bơm vào máy ép phân để ép phân. Nước thải từ quá trình ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý, phân sau khi ép đạt độ ẩm theo yêu cầu được đưa vào ủ trong bồn ủ làm phân bón. Lượng phân sau khi ủ được đóng bao và lưu giữ trong nhà để phân, diện tích 75 m², sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu.

Chủ Dự án đầu tư 01 bồn ủ phân với thông số kỹ thuật như sau: Thể tích bồn ủ: 40 m³, đường kính bồn ủ: 3,2 m, chiều cao toàn bộ bồn ủ: 10 m, men vi sinh phối trộn giảm mùi hôi: EM và các chủng vi sinh trong nước.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động từ xác heo chết không do dịch bệnh:* Heo chết không do dịch bệnh được xử lý bằng hầm huỷ xác. Chủ Dự án xây dựng 02 hầm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín, kích thước 01 hầm: Dài x rộng x sâu = 04 m x 04 m x 06 m, cửa được xây bằng gạch, cánh cửa bằng tôn dày kín. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín, có rác vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động từ xác heo chết do dịch bệnh:* Khi Chủ Dự án nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:* Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom về bể chứa bùn và đưa về máy ép bùn, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực Trang trại; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Phân heo phải được xử lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn. Kết thúc đợt xây dựng, chất thải nguy hại được thu gom về khu vực chứa chất thải nguy hại và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 120 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn, đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 08 m² kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn, có biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng

dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Trang bị nút bịt tai cho công nhân. Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, ít gây tiếng ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ. Đối với khu vực chuồng trại phải được che chắn để giảm thiểu phát tán tiếng ồn từ heo.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng; định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 – Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu nhà điều hành và 01 điểm khu vực xử lý

nước thải.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Thông số giám sát*: Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, NO₂, SO₂.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.2.3. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát*: 01 mẫu tại giếng khoan trong Trang trại.

- *Thông số giám sát*: pH, độ cứng, TDS, Fe tổng, nitrat, nitrit, Cl⁻, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án phải đảm bảo đủ điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

6.5. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dây cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

6.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 86/CV-UBND ngày 18/10/2019 của UBND xã Tân Hòa về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án “Xây dựng Trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 48.000 con heo hậu bị” và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 18/10/2019 tại xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyên dụng lao động tại địa phương.

6.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.